

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2023/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng nhà ở công vụ  
giáo viên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức nhà ở công vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà công vụ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 114/TTr-SXD ngày 17/01/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng nhà ở công vụ giáo viên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2023 và thay thế Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định về quản lý, vận hành và sử dụng nhà ở công vụ giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành Tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT/HĐND Tỉnh, TT/TU;
- CT, các PCT/ UBND Tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/ĐTXD.nbht.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Minh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý, vận hành và sử dụng nhà ở công vụ giáo viên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02  
năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định cụ thể về việc vận hành và sử dụng nhà ở công vụ giáo viên (gọi tắt là nhà ở công vụ), bao gồm: quy định đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục cho thuê nhà ở công vụ.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Giáo viên thuộc diện được thuê nhà ở công vụ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Nhà ở năm 2014
2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cho thuê, quản lý, sử dụng nhà ở công vụ.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ**

#### **Điều 3. Các đơn vị quản lý, vận hành nhà ở công vụ**

1. UBND Tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ trên địa bàn Tỉnh. UBND Tỉnh quyết định cho thuê đối với nhà công vụ được giao cho các đơn vị quản lý tại khoản 2 Điều này.
2. Cơ quan quản lý nhà ở công vụ: Nhà ở công vụ trên địa bàn huyện, thành phố đã được UBND Tỉnh giao UBND huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phương án sắp xếp nhà đất thuộc sở hữu nhà nước thì Phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị tham mưu UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà ở công vụ.
3. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ: Nhà ở công vụ nằm trong khuôn viên hoặc nằm kề khuôn viên trường học thì giao cho trường học thực hiện việc quản lý vận hành nhà ở công vụ đó.
4. Nhà ở công vụ được xây dựng kiên cố thì mới sử dụng để cho thuê (đối với các căn nhà được xây dựng trước năm 2016 theo Phụ lục 1 kèm theo

Quy định này). Việc quản lý, bảo trì, cải tạo nhà ở công vụ được thực hiện theo quy định về quản lý, bảo trì, cải tạo nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

5. Hoạt động quản lý vận hành nhà ở công vụ được hưởng phần chi phí quản lý vận hành trong cấu thành giá cho thuê theo quy định của UBND Tỉnh.

#### **Điều 4. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ**

Giáo viên đến công tác tại các điểm trường có nhà công vụ.

#### **Điều 5. Điều kiện được thuê nhà ở công vụ**

1. Có quyết định bổ nhiệm, biệt phái hoặc cử đến công tác tại các điểm trường có nhà công vụ.

2. Thuộc diện chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng có diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 10 m<sup>2</sup> sàn/người.

#### **Điều 6. Tiêu chí xét duyệt đối tượng được thuê nhà ở công vụ**

1. Trường hợp không có loại nhà hoặc không đủ chỗ bố trí theo điều kiện nêu tại Điều 5 thì việc sắp xếp cho thuê nhà ở được thực hiện như sau:

- a) Bố trí theo loại nhà hiện có;
- b) Ưu tiên cho người ở xa;
- c) Được sắp xếp ở ghép khi có sự đồng ý của đối tượng được thuê nhà.

2. Trường hợp khi xét duyệt theo tiêu chí ưu tiên theo quy định tại Khoản 1 Điều này có từ 02 cá nhân trở lên thuộc đối tượng ưu tiên như nhau mà phải lựa chọn thì đơn vị quản lý nhà ở công vụ xem xét, quyết định.

3. Trường hợp đã cho các đối tượng đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy định này thuê, mà còn nhà ở công vụ thì giao đơn vị quản lý, vận hành phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, tiếp tục đề xuất việc cho thuê đối với từng trường hợp cụ thể (hợp đồng thuê ngắn hạn không quá 12 tháng).

#### **Điều 7. Trình tự, thủ tục thuê nhà ở công vụ**

1. Đối với giáo viên thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này nếu có nhu cầu thuê nhà ở công vụ thì phải có đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ gửi cơ quan, tổ chức nơi đang công tác; Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan, tổ chức nơi đang công tác gửi 01 bộ hồ sơ thuê nhà ở công vụ đến cơ quan quản lý nhà ở công vụ nêu tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện), hồ sơ gồm:

a) 01 đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ (theo mẫu Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015) đã có xác nhận của cơ quan nơi đang công tác về thực trạng nhà ở.

b) 01 bản sao quyết định bổ nhiệm hoặc biệt phái công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý.

2. Căn cứ quỹ nhà ở công vụ hiện có và tiêu chuẩn nhà ở công vụ, cơ quan quản lý nhà ở công vụ nêu tại khoản 2 Điều 3 Quy định này có trách nhiệm kiểm tra, nếu đủ điều kiện cho thuê nhà ở công vụ thì dự thảo quyết định cho thuê nhà ở công vụ; trường hợp không đủ điều kiện thì dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do và trình UBND Tỉnh thông qua Sở Xây dựng ban hành trong vòng 20 ngày (trong đó thời gian kiểm tra của cơ quan quản lý nhà ở công vụ tối đa là 10 ngày) kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thuê nhà.

Trường hợp không có đủ nhà để cho thuê thì lập danh sách báo cáo, đề xuất UBND Tỉnh xem xét giải quyết thông qua Sở Xây dựng.

3. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê theo quy định sau:

a) Hai Bên trực tiếp trao đổi và ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

b) Giá cho thuê nhà ở công vụ theo quy định của UBND Tỉnh tại thời điểm ký kết hợp đồng. Giá cho thuê nhà ở công vụ được UBND Tỉnh xem xét, điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế của địa phương.

c) Thời hạn cho thuê nhà ở công vụ theo thời hạn mà người thuê nhà được bổ nhiệm, biệt phái công tác nhưng tối đa không quá năm (05) năm. Khi hết hạn hợp đồng mà người thuê vẫn thuộc diện được tiếp tục thuê nhà ở công vụ thì Bên cho thuê và Bên thuê nhà ở công vụ tiến hành ký kết hợp đồng mới theo quy định tại Điều này.

d) Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi hợp đồng đã được hai bên ký kết cho cơ quan quản lý nhà ở công vụ và cơ quan quản lý người thuê, mỗi đơn vị 01 bản chính.

### **Điều 8. Giá cho thuê nhà ở công vụ**

Giá cho thuê nhà ở công vụ giáo viên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp do UBND Tỉnh ban hành.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ**

1. Thực hiện quản lý vận hành, cho thuê nhà ở công vụ đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường.

2. Xây dựng, ban hành Bảng nội quy quản lý sử dụng nhà ở công vụ và phổ biến nội dung Bảng nội quy này cho người thuê.

3. Quản lý các diện tích nhà chưa cho thuê, không cho thuê (nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố, nhà đơn sơ, nhà tạm) trong khu nhà ở công vụ được giao quản lý.

4. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ trực tiếp thu phí sử dụng các dịch vụ như: điện, nước, Internet hoặc dịch vụ trông giữ tài sản

thì phải đảm bảo nguyên tắc không nhằm mục đích kinh doanh trong hoạt động thu phí này.

5. Kiểm tra, theo dõi phát hiện kịp thời và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm trong quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

6. Phối hợp cơ quan chức năng của địa phương trong việc bảo đảm an ninh, trật tự cho người thuê nhà ở công vụ.

7. Phối hợp cơ quan quản lý nhà ở công vụ thực hiện thu hồi và quản lý nhà ở công vụ theo quyết định của UBND Tỉnh.

8. Chậm nhất vào ngày 16 tháng 6 và ngày 16 tháng 12 hằng năm, báo cáo cơ quan quản lý nhà ở công vụ về tình hình quản lý vận hành, bảo trì và quản lý cho thuê nhà ở công vụ theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở công vụ**

1. Lập, lưu trữ hồ sơ nhà ở công vụ.

2. Báo cáo UBND Tỉnh quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ.

3. Trình UBND Tỉnh quyết định cho thuê nhà ở công vụ; báo cáo các trường hợp không đủ nhà ở công vụ để bố trí với UBND Tỉnh thông qua Sở Xây dựng.

4. Kiểm tra, đôn đốc việc cho thuê, quản lý vận hành nhà ở công vụ.

5. Lập kế hoạch bảo trì, cải tạo hoặc xây dựng lại nhà ở công vụ (kể cả nhà ở công vụ không cho thuê) để trình UBND Tỉnh phê duyệt. Tổ chức bảo trì, cải tạo nhà ở công vụ theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ có liên quan đến quá trình bảo hành, bảo trì, cải tạo nhà ở công vụ.

6. Kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

7. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hằng năm, báo cáo Sở Xây dựng về tình hình quản lý, bố trí, cho thuê nhà ở công vụ theo mẫu tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ngành Tỉnh**

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng và trình UBND Tỉnh phê duyệt giá cho thuê nhà ở công vụ.

b) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

c) Tổng hợp trình UBND Tỉnh quyết định cho thuê nhà ở công vụ.

d) Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm, tham mưu UBND Tỉnh văn bản báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình quản lý nhà ở công vụ theo mẫu tại Phụ lục 03 và Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng tham mưu UBND Tỉnh về giá cho thuê nhà ở công vụ.

**Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có người thuê nhà ở công vụ**

1. Thực hiện khấu trừ tiền lương của người thuê nhà ở công vụ để trả tiền thuê nhà công vụ trong trường hợp người thuê không trả tiền thuê trong ba tháng liên tục và thông báo rõ cho người thuê nhà ở công vụ biết về việc trả tiền thuê này.

2. Thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà công vụ biết ngay khi người thuê hết tiêu chuẩn được ở thuê nhà ở công vụ, chuyển công tác, nghỉ công tác hoặc nghỉ hưu.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì báo cáo Sở Xây dựng trình UBND Tỉnh xem xét, giải quyết./.

***UBND TỈNH ĐỒNG THÁP***

**Phụ lục 1****DANH SÁCH NHÀ Ở CÔNG VỤ ĐỂ CHO THUÊ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m <sup>2</sup> )	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>Nhà ở công vụ giáo viên</b>		<b>421</b>	<b>15.471,6</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>173</b>	<b>6368</b>	
1	Trường THPT Long Khánh A	Áp Long Hậu, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự	5	320,0	2013
2	Trường THPT Hồng Ngự 2	Áp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự	5	234,0	2005
3	Trường THPT Cao Lãnh 2	Áp 1, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh	6	366,0	2008
4	Trường THPT Hồng Ngự 1	Áp An Thành B, An Lộc, thị xã Hồng Ngự	5	225,0	2006
5	Trường THPT Lấp Vò 3	Áp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò	5	240,0	2004
6	Trường THPT Thanh Bình 2	Xã Tân Bình, huyện Thanh Bình	8	336,0	2005
7	Trường THPT Trường Xuân	Được xây dựng trong khu dân cư, địa chỉ: Áp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười	2	153	2004
			3	230	2007
			2	130	2010
			4	180	2012
8	Trường THPT Tam Nông	Áp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông	13	416,0	2010
9	Trường THPT Giồng Thị Đam	Áp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng	3	168,0	2008
10	Trường THPT Lấp Vò 2	Xã Tân Mỹ, Huyện Lấp Vò	6	240,0	2008
11	Trường THPT Châu Thành 2	Số 75, QL80, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu thành (phía sau trường)	4	160,0	2007
12	Trường THPT Lai Vung 1	Áp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung	8	250,0	1997
13	Trường THPT Tân Hồng	Số 279 Nguyễn Huệ, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng	5	160,0	2005



STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m <sup>2</sup> )	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
14	Trường THPT Tân Thành	Áp chiến Thắng, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng	6	336,0	2008
15	Trường THPT Tràm chim	Áp 4, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông	18	288,0	2005
16	Trường THPT Hồng Ngự 3	Xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự	16	256,0	2002
17	Trường THCS-THPT Hòa Bình	Áp 3, xã Hoà Bình, huyện Tam Nông	14	640,0	2010
18	Trường THPT Tháp Mười	Khóm I, TT Mỹ An, Tháp Mười	24	630,0	1991
19	Trường THPT Phú Điền	Áp Mỹ Thạnh, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười	4	330,0	2009
20	Trường THPT Châu Thành 1	205 quốc lộ 80, xã Tân Nhuận Đông, H.Châu Thành	1	25,5	1976
			1	43,8	2010
21	Trường THPT Lai Vung 2	Quốc lộ 54, xã Tân Hòa	5	80,0	
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>		<b>248</b>	<b>9.103,6</b>	
	<b>Huyện Châu Thành</b>		<b>44</b>	<b>2032</b>	
1	Trường THCS Phú Long	Xã Phú Long	10	480,0	2005
2	Trường THCS Hòa Tân	Xã Hòa Tân	10	400,0	2001 (5 căn); 2005 (05 căn)
3	Trường THCS An Khánh	Xã An Khánh	9	432,0	2005
4	Trường THCS An Phú Thuận	Xã An Phú Thuận	10	480,0	2005
5	Trường THCS Tân Phú	Xã Tân Phú	5	240,0	2005
	<b>Huyện Hồng Ngự</b>		<b>25</b>	<b>823,5</b>	
6	Trường TH Phú Thuận A3	Áp Phú Thạnh B, xã Phú Thuận A	1	26,04	2009
7	Trường TH Thường Phước 1	Áp 3, xã Thường Phước 1	3	157,5	2006
		Áp 2, xã Thường Phước 1	3	94,5	2008
8	Trường TH Thường Thới Hậu A	Áp Bình Hòa Trung, xã TT.Hậu A	3	72,0	2010
9	Trường TH Thường Thới Hậu B1	Áp Bình Hoà Hạ, xã Thường Thới Hậu B	1	80,0	2004
10	Trường THCS Long Khánh B	Áp Long Thái, xã Long Khánh B	2	72,0	2009

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m <sup>2</sup> )	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11	Trường THCS Thường Thới Hậu A	Tổ 33, ấp Bình Hòa Trung, xã Thường Thới Hậu A	3	111,5	2005
12	Trường THCS Thường Thới Hậu B	Ấp 1, xã Thường Thới Hậu B	4	100,0	2009
13	Trường THCS Long Thuận	Xã Long Thuận	2	64,0	2009
14	Trường THCS Thường Thới Tiền	Ấp Thượng 2, xã Thường Thới Tiền	3	72,0	2010
<b>Huyện Cao Lãnh</b>			<b>13</b>	<b>358,0</b>	
15	Trường TH-THCS Ba Sao	Ấp 4 xã Ba Sao	2	70,0	2008
16	Trường THCS Gáo Giồng	Ấp 5, xã Gáo Giồng	6	144,0	2010
17	Trường THCS Bình Thạnh	Ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh	5	144,0	2010
<b>Huyện Lai Vung</b>			<b>7</b>	<b>217</b>	
18	Trường THCS Phong Hòa	Ấp Tân Bình, Xã Phong Hòa	2	90,0	2004
19	Trường THCS Tân Dương	Ấp Tân Lộc A, Xã Tân Dương	5	127,0	2003
<b>Huyện Lấp Vò</b>			<b>17</b>	<b>826,0</b>	
20	Trường Tiểu học Định Yên 1	Xã Định Yên	2	56,0	2006
21	Trường Tiểu học Bình Thành 2	Xã Bình Thành	1	100,0	1999
22	Trường Tiểu học Bình Thành 3	Xã Bình Thành	2	96,0	2005
23	Trường THCS Long Hưng A	Xã Long Hưng A	10	480,0	2011
24	Trường Tiểu học Mỹ An Hưng A	Xã Mỹ An Hưng A	2	94,0	2012
<b>Huyện Tam Nông</b>			<b>38</b>	<b>1010</b>	
25	Trường TH&THCS Phú Xuân	Ấp Phú Xuân	8	203,36	2009
26	Trường TH An Long B	Ấp An Thịnh, xã An Long	4	168,0	2002
27	Trường TH An Hòa C	Ấp 4, xã An Hòa	4	96,0	2009
28	Trường TH Tân Công Sính B	Ấp Tân Hưng, xã Tân Công Sính	2	96,0	1989
		Ấp Tân Hưng	10	240,0	1982 (Nâng cấp 2015)
29	Trường THCS Phú Ninh	Ấp 1, xã Phú Ninh	7	336,0	2010
30	Trường TH An Hòa A	Ấp 3, xã An Hòa	3	74,0	2012
<b>Huyện Tân Hồng</b>			<b>20</b>	<b>1200</b>	
31	Trường TH-THCS Thống Nhất-điểm Gò Cát	Ấp Thống Nhất-xã Bình Phú	2	120,0	2007
32	Trường TH-THCS Cả Găng -điểm Cả Găng 2	Ấp Cả Găng - xã Bình Phú	1	60,0	2007
33	Trường THCS Nguyễn Du	Ấp Công Tạo - xã Bình Phú	2	120,0	2008

STT	Đơn vị đang sử dụng	Địa điểm	Tổng số nhà (căn)	Tổng diện tích nhà (m <sup>2</sup> )	Năm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Trường THCS Tân Hộ Cơ	Áp Chiến Thắng, xã Tân Hộ Cơ	3	180,0	2002
35	Trường THCS Thông Bình	Áp Long Sơn, xã Thông Bình	3	180,0	2007
36	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Áp Thông Nhất 1- xã Tân Công Chí	4	240,0	2008
37	Trường THCS Tân Phước	Áp Hoàng Việt, xã Tân Phước	3	180,0	2008
38	Trường MN Giồng Găng	Áp Tân Bảnh, xã Tân Phước	2	120,0	2008
<b>Huyện Tháp Mười</b>			<b>73</b>	<b>2588,1</b>	
39	Trường THCS Mỹ Đông	Áp 4, xã Mỹ Đông	4	184,8	2004
40	Trường THCS Mỹ Quý	Áp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý	6	277,2	2004
41	Trường THCS Láng Biên	Áp 2, xã Láng Biên	8	192,0	2009
42	Trường THCS Nguyễn Văn Tre	Áp Lợi An, xã Thanh Mỹ	6	216,0	2009
43	Trường TH Trần Thị Bích Dung	Áp Lợi An, xã Thanh Mỹ	4	96,0	2009
44	Trường THCS Mỹ Hòa	Áp 1, xã Mỹ Hòa	6	384,0	1997
45	Trường THCS Tân Kiều	Áp 2, xã Tân Kiều	6	288,0	1997
46	Trường THCS Trường Xuân	Xã Trường Xuân	8	144,0	2009
47	Trường TH Trường Xuân 2	Áp 6, xã Trường Xuân	3	73,2	2009
48	Trường THCS Hưng Thạnh	Áp 3, xã Hưng Thạnh	8	270,0	2008
49	Trường TH Hưng Thạnh 1	Áp 3, xã Hưng Thạnh	4	140,0	2001
50	Trường THCS Thạnh Lợi	Áp 1, xã Thạnh Lợi	6	170,1	2008
51	Trường TH Thạnh Lợi 2	Áp 4, xã Thạnh Lợi	4	152,8	2008
<b>Thị xã Hồng Ngự</b>			<b>11</b>	<b>266</b>	
52	Trường THCS Tân Hội	Xã Tân Hội	3	72,0	2010
53	Trường THCS An Bình B	Xã An Bình B	2	90,0	2009
54	Trường THCS Bình Thạnh	Áp Bình Hòa, xã Bình Thạnh	6	104,0	2008 (2 căn), 2006 (2 căn)

**Phụ lục 2**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của  
UBND tỉnh Đồng Tháp)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
-----  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: /...      ....., ngày ... tháng .... năm ...

**BÁO CÁO**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ**  
Kính gửi: Tên Cơ quan quản lý nhà ở công vụ

**I. Số liệu về nhà ở công vụ**

TT	Loại nhà ở công vụ	Tổng số nhà ở công vụ hiện đang quản lý (căn)	Tổng diện tích sử dụng nhà ở công vụ hiện đang quản lý (m <sup>2</sup> )	Tổng số nhà ở công vụ đã bố trí cho thuê (căn)	Tổng diện tích sử dụng nhà ở công vụ đã bố trí cho thuê (m <sup>2</sup> )	Tổng số người đang thuê (người)	Giá thuê nhà ở công vụ (nghìn đồng/m <sup>2</sup> )	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Biệt thự							
2	Chung cư							
3	Nhà liền kề							
	.....							
	TỔNG CỘNG							

**II. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị**

....., ngày ...tháng...năm....

**Người lập biểu**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Điện thoại liên hệ.....

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN BÁO CÁO**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú:** Đối với nhà ở công vụ là biệt thự thì báo cáo thêm về diện tích đất khuôn viên của biệt thự.

**Phụ lục 3**  
**MẪU BIỂU BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG**  
**NHÀ Ở CÔNG VỤ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của  
UBND tỉnh Đồng Tháp)

**UBND CẤP TỈNH**

TT	Loại nhà ở công vụ và địa chỉ	Diện tích sử dụng nhà ở công vụ (m <sup>2</sup> )	Tên người ở thuê nhà ở công vụ	Chức vụ, cơ quan, đơn vị công tác của người thuê nhà ở công vụ	Thời gian bố trí theo hợp đồng	Tiền thuê nhà hàng tháng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	<b>Biệt thự</b>						
.....							
II	<b>Chung cư</b>						
.....							
III	<b>Nhà liền kề</b>						
.....							
	<b>Tổng cộng</b>						

**Người lập biểu**  
(ký và ghi rõ họ, tên)  
Điện thoại liên hệ:.....  
.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**CƠ QUAN BÁO CÁO**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Cột 3: Đối với nhà ở công vụ là biệt thự thì báo cáo thêm về diện tích đất khuôn viên của biệt thự;
- Cột 6: Ghi rõ thời gian thuê nhà ở theo hợp đồng ký kết từ ngày ...tháng...năm đến ngày...tháng...năm;

**Phụ lục 4**  
**MẪU BIỂU BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG**  
**NHÀ Ở CÔNG VỤ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023  
của UBND tỉnh Đồng Tháp)

**UBND CẤP TỈNH**

**I. Số liệu về nhà ở công vụ**

<b>TT</b>	<b>Loại nhà ở công vụ</b>	<b>Tổng số nhà (căn)</b>	<b>Tổng diện tích sử dụng nhà ở công vụ (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tổng số người đang thuê (Người)</b>	<b>Tổng số tiền thuê (đồng/tháng)</b>	<b>ghi chú</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>
<b>1</b>	<b>Biệt thự</b>					
<b>2</b>	<b>Chung cư</b>					
<b>3</b>	<b>Nhà liền kề</b>					
	.....					
	<b>TỔNG HỢP</b>					

**II. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị**

**Người lập biểu**  
(ký và ghi rõ họ, tên)  
Điện thoại liên hệ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**CƠ QUAN BÁO CÁO**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú:** Đối với nhà ở công vụ là biệt thự thì báo cáo thêm về diện tích đất khuôn viên của biệt thự.